

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN NGÀY 31/03/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý		Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138,899,596,507	-	141,558,866,450
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,037,947,010	-	1,900,036,409
1. Tiền	111		1,037,947,010		1,900,036,409
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62,762,090,480	-	64,432,157,683
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	60,635,213,469		62,824,590,396
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1,207,579,111		819,724,274
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133				-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134				-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1,028,034,541		896,579,654
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(108,736,641)		(108,736,641)
IV. Hàng tồn kho	140		27,798,956,320	-	27,664,548,363
1. Hàng tồn kho	141	V.6	27,798,956,320		27,664,548,363
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47,300,602,697	-	47,562,123,995
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	181,097,870		80,027,485
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			-	88,826,057
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	47,119,504,827		47,393,270,453

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34,374,301,602	34,818,653,826
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,195,633,685	1,337,624,057
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1,195,633,685	1,337,624,057
<i>Nguyên giá</i>	222		4,529,529,449	4,529,529,449
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3,333,895,764)	(3,191,905,392)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	7,458,718,150	7,761,080,002
<i>Nguyên giá</i>	241		12,094,473,923	12,094,473,923
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(4,635,755,773)	(4,333,393,921)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		23,719,949,767	23,719,949,767
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	22,213,400,000	22,213,400,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	600,000,000	600,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1,078,000,000	1,078,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(171,450,233)	(171,450,233)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,000,000,000	2,000,000,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		2,000,000,000	2,000,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		173,273,898,109	176,377,520,276

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		95,331,998,452	105,906,775,664
I. Nợ ngắn hạn	310		95,022,561,228	75,844,670,409
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	20,362,103,000	683,173,000
2. Phải trả người bán	312	V.16	806,794,167	946,608,721
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	1,825,690,011	1,771,440,979
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	13,739,611,916	13,050,293,702
5. Phải trả người lao động	315	V.19	109,663,108	39,217,445
6. Chi phí phải trả	316	V.20	28,461,290,061	30,951,940,218
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	29,258,654,449	27,931,711,850
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	458,754,516	470,284,494
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		309,437,224	30,062,105,255
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-
3. Phải trả dài hạn khác	333			-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	-	30,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	36,587,877	62,105,255
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.25	272,849,347	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77,941,899,657	70,470,744,612
I. Vốn chủ sở hữu	410		77,941,899,657	70,470,744,612
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	45,860,000,000	38,800,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	24,077,383,636	24,077,383,636
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-
4. Cổ phiếu quỹ	414			-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	1,645,540,067	1,645,540,067
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	596,890,809	596,890,809
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	5,762,085,145	5,350,930,100
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		173,273,898,109	176,377,520,276

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Lê Tuấn Vũ

Nguyễn Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số kỳ này năm nay		Số kỳ này năm trước	
			Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số lũy kế kỳ này năm nay	Số lũy kế kỳ này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2,079,436,706	2,544,273,660	2,079,436,706	2,544,273,660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,079,436,706	2,544,273,660	2,079,436,706	2,544,273,660
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,198,639,653	1,987,792,939	1,198,639,653	1,987,792,939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		880,797,053	556,480,721	880,797,053	556,480,721
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	12,324,128	5,110,062	12,324,128	5,110,062
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	-	90,919,146	-	90,919,146
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	90,919,146	-	90,919,146
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	-	1,854,600	-	1,854,600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	657,334,354	424,378,171	657,334,354	424,378,171
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		235,786,827	44,438,866	235,786,827	44,438,866
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-	-	-
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		235,786,827	44,438,866	235,786,827	44,438,866

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	Số lũy kế kỳ này		Số lũy kế kỳ này	
			Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	năm nay	năm trước
CHỈ TIÊU						
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		58,946,707	11,109,717	58,946,707	11,109,717
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		176,840,120	33,329,149	176,840,120	33,329,149
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.8	176,840,120	33,329,149	155,255,446	33,329,149
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		44	13	44	13

Lập ngày 24 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Lê Tuấn Vũ

Nguyễn Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		235,786,827	5,716,368,261
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		444,352,224	1,925,300,684
- Các khoản dự phòng	03			11,559,812
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(3,253,531,311)
- Chi phí lãi vay	06			1,688,791,237
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		680,139,051	6,088,488,683
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1,670,067,203	6,579,037,051
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(134,407,957)	(12,041,622,755)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		185,222,788	(2,675,801,040)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(101,070,385)	(335,555,837)
- Tiền lãi vay đã trả	13			(1,844,831,290)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(264,675,862)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		150,893,000	189,724,920
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(60,863,099)	(231,151,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		680,139,051	(4,536,387,730)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21			(798,737,148)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			3,548,200,436
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			2,749,463,288

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		19,678,930,000	80,274,436,060
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(19,940,000,000)	(78,843,637,184)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,991,000,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3,252,070,000)	1,430,798,876
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2,571,930,949)	(356,125,566)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1,900,036,409	1,481,977,913
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	(671,894,540)	1,125,852,347

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Lê Tuấn Vũ

Nguyễn Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, Thiết kế, tư vấn
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm** :
 - Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
 - Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
 - Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán các công trình;
 - Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
 - Thẩm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ, viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy.
 - Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông;
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 Công ty có 75 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá vốn các công trình xây lắp được ghi nhận tương ứng với doanh thu theo tỷ lệ lãi định mức được quy định trên các hợp đồng giao khoán giữa Công ty và các đội.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 06 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3-5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3-5

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 10 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí công trình

Chi phí công trình được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý chi phí thi công các công trình đã phát sinh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi công trình (hạng mục công trình) đã hoàn thành, có quyết toán A-B hoặc xác nhận khối lượng (không bao gồm vật tư bên A cấp).

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Hợp đồng xây dựng

Các hợp đồng xây dựng Công ty thực hiện qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	554.402.422	703.053.842
Tiền gửi ngân hàng	483.544.588	1.196.982.567
Cộng	<u>1.037.947.010</u>	<u>1.900.036.409</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viễn thông và Bưu điện các tỉnh	29.784.569.546	27.185.718.266
Các Công ty, các Ban QLDA	27.043.540.180	32.578.227.761
Các khách hàng khác	3.807.103.743	3.060.644.369
Cộng	<u>60.635.213.469</u>	<u>62.824.590.396</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CTGT 1 Hà Nội - Tiền đền bù hè đường	131.831.700	131.831.700
Công ty TNHH Thiên An	296.469.813	
Công ty CP ĐT XD và PT Viễn thông Nam Bắc	200.000.000	200.000.000
Công ty QL và SC đường bộ 472 - Tiền đền bù hè đường	61.638.000	61.638.000
Công ty Bê tông Đúc Sẵn Hà Nam		
Các đối tượng khác	517.639.598	426.2545.574
Cộng	<u>1.207.579.111</u>	<u>819.724.274</u>

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	127.209.686	127.209.686
Công cụ, dụng cụ	5.855.000	5.855.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.514.743.965	27.380.336.008
Hàng hóa	151.147.669	151.147.669
Cộng	<u>27.798.956.320</u>	<u>27.664.548.363</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)	46.760.783.274	46.722.661.354
Chi phí CCDC chờ kết chuyển		
Thuế GTGT còn khấu trừ		
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	358.721.553	670.609.099
Cộng	<u>47.119.504.827</u>	<u>47.393.270.453</u>

(*) Chủ yếu là tạm ứng cho các đội thi công

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	-	994.429.798	2.516.885.922	550.871.757	467.341.972	4.529.529.449
Tăng do mua sắm mới		0	0	0	0	0
Giảm do nhượng bán		0	0	0	0	0
Số cuối quý	-	994.429.798	2.516.885.922	550.871.757	467.341.972	4.529.529.449
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm		560.327.172	1.691.434.924	484.538.042	455.605.255	3.191.905.392
Khấu hao trong quý		31.945.932	85.982.871	12.324.843	11.736.726	141.990.372
Giảm do nhượng bán						
Số cuối quý	-	592.273.104	1.777.417.795	496.862.885	467.341.981	3.333.895.764
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	434.102.626	825.450.998	66.333.715	11.736.717	1.337.624.117
Số cuối quý		402.156.694	739.468.127	54.008.872	0	1.195.633.685

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Toàn bộ bất động sản đầu tư là các trạm BTS cho thuê.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	12.094.473.923	4.333.393.921	7.761.080.002
Tăng do trích khấu hao	-	302.361.852	
Giảm trong kỳ	-	-	(302.361.852)
Số cuối kỳ	12.094.473.923	4.635.755.773	7.458.718.150

9. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Cấp và thiết bị viễn thông	2.221.340	22.213.400.000	2.221.340	22.213.400.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017426 ngày 21 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp và thiết bị viễn thông 20.400.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 22.213.400.000 VND, tương đương 55,53% vốn điều lệ (số đầu năm là 22.213.400.000 VND, tương đương 55,53% vốn điều lệ).

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ viễn thông	6.000	600.000.000	6.000	600.000.000

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011032000060 ngày 11 tháng 06 năm 2007 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ viễn thông 1.400.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 600.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 600.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ).

Vốn thực góp của Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ viễn thông tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 3.000.000.000 VND. Vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư là 7.000.000.000 VND.

11. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Viễn thông Cần Thơ với số lượng 10.780 cổ phiếu, mệnh giá 100.000 VND/cổ phiếu.

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>		-
<i>Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân</i>	20.362.103.000	683.173.000
Công ty Tài chính Bưu điện		
Vay các cá nhân (b)	20.362.103.000	683.173.000
Cộng	20.362.103.000	683.173.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP DV Du lịch Đường sắt Hà Nội	7.626.873	154.893.964
Công ty CP Viễn thông Thăng Long		0
Công ty TNHH xử lý kỹ thuật thoát nước và môi trường HN	64.100.000	64.100.000
Công ty CP XLVTHN - CT MC các huyện BĐ N.T	108.968.576	108.968.576
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD Bắc Ninh	99.000.000	99.000.000
Công ty CP Azet	45.734.440	45.734.440
Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện	71.375.194	71.375.194
Công ty Quản lý đường sắt Hà Hải	46.984.232	46.984.232
Các đối tượng khác	363.004.852	355.552.315
Cộng	<u>806.794.167</u>	<u>946.608.721</u>

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viễn thông Hải Dương	115.013.194	115.013.194
Công ty Điện thoại Hà Nội 2	80.023.051	56.620.808
Công ty Điện thoại Tây Thành Phố	44.521.292	44.521.292
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng	486.000.000	486.000.000
BQL Dự án Tà Ngạn	238.000.000	238.000.000
Các đối tượng khác	862.132.574	831.285.685
Cộng	<u>1.825.690.111</u>	<u>1.771.440.979</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.525.459.603	241.729.368		9.767.188.971
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	88.826.057			88.826.057
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.061.104.363	361.197.196		3.442.301.559
Thuế thu nhập cá nhân	374.903.679	59.196.719		434.100.398
Các loại thuế khác				
Cộng	<u>13.050.293.702</u>	<u>662.123.283</u>	<u>0</u>	<u>13.739.611.916</u>

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	0	2.360.254.160
Chi phí các công trình xây lắp trích trước	28.461.290.061	28.591.686.058
Cộng	<u>28.461.290.061</u>	<u>30.951.940.218</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn		87.068.603
Chi phí các công trình còn phải trả các đội	24.690.452.838	27.833.619.596
Phải trả khác	4.568.201.611	11.023.651
Cộng	<u>29.258.654.449</u>	<u>27.931.711.850</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	
Số đầu năm	470.284.494
Tăng do Tập đoàn khen thưởng	0
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	0
Chi quỹ trong năm	11.529.978
Số cuối năm	458.754.516

19. Vay và nợ dài hạn		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Mệnh giá Trái phiếu (*)	0	30.000.000.000
Cộng	0	30.000.000.000

(*) Công ty phát hành 300.000 trái phiếu chuyển đổi, mệnh giá 100.000 VND/TP kỳ hạn 18 tháng từ 15/07/2010, lãi suất 15%/18 tháng (nếu không chuyển đổi sang cổ phiếu). Tỷ lệ chuyển đổi là 1:10. Mục đích đầu tư xây dựng 90 trạm BTS cho thuê và đầu tư xây dựng trụ sở làm việc.

Chi tiết phát sinh trong năm của các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối quý
Mệnh giá trái phiếu phát hành	30.000.000.000	0	30.000.000.000	0
Cộng	30.000.000.000	0	30.000.000.000	0

20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	
Số đầu năm	62.105.255
Số trích lập trong năm	0
Số chi trong năm	25.517.378
Số cuối năm	36.587.877

21. Doanh thu chưa thực hiện	
là doanh thu cho thuê các trạm BTS nhận cho nhiều kỳ	
Số đầu kỳ	0
Doanh thu chưa thực hiện phát sinh trong năm	272.849.347
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	0
Số cuối quý	272.849.347

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

22. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	38.800.000.000	24.077.383.636	1.645.540.067	596.890.809	5.350.930.100	70.470.744.612
Lợi nhuận trong năm					411.155.045	411.155.045
Trả bằng cổ tức tăng vốn						
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	7.060.000.000					7.060.000.000
Trích lập các quỹ trong quý						
Chi quỹ trong năm						
Chia cổ tức năm trước						
Số dư cuối năm trước	45.860.000.000	24.077.383.636	1.645.540.067	596.890.809	5.762.085.145	77.941.899.657

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thuê hoạt động

- Hợp đồng thuê văn phòng số 437 ngày 15 tháng 06 năm 2010 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 03 phòng làm việc tại tầng 04 (P420, P422, P424) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 07 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, giá thuê là 14 USD/m² với diện tích chính và 07 USD/1m² với diện tích phụ, tổng diện tích chính thuê là 92 m² và diện tích phụ là 28 m², 3 tháng thanh toán một lần.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 333 ngày 30 tháng 05 năm 2008 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 01 phòng làm việc tại tầng 04 (P416) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 06 năm 2008 đến ngày 30 tháng 05 năm 2011, giá thuê là 11 USD/m², tổng diện tích thuê là 36 m², 3 tháng thanh toán một lần.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 482 ngày 15 tháng 11 năm 2009 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 01 phòng làm việc tại tầng 04 (P418) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 12 năm 2012, giá thuê là 13 USD/m², tổng diện tích thuê là 30,14 m², 3 tháng thanh toán một lần.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 516 ngày 20 tháng 11 năm 2009 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 02 phòng làm việc tại tầng 04 (P601,P603) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng, giá thuê là 13 USD/m², tổng diện tích thuê là 47 m², 3 tháng thanh toán một lần.
- Phụ lục hợp đồng số 02 của hợp đồng thuê văn phòng số 516 ngày 20 tháng 11 năm 2009 thuê thêm phòng 410, diện tích 30 m², giá thuê là 15 USD/m² từ ngày 01 tháng 04 năm 2010.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 414 ngày 11 tháng 06 năm 2007 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 03 phòng làm việc tại tầng 04 (P420, P422, P424) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 07 năm 2007 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, giá thuê là 09 USD/m² với diện tích chính và 4 USD/1m² với diện tích phụ, tổng diện tích chính thuê là 92 m² và diện tích phụ là 28 m², 3 tháng thanh toán một lần.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 333 ngày 30 tháng 05 năm 2008 với Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội, thuê 01 phòng làm việc tại tầng 04 (P416) làm trụ sở tại tòa nhà 8 tầng địa chỉ 142 đường Lê Duẩn – Đống Đa – Hà Nội, thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 06 năm 2008 đến ngày 30 tháng 05 năm 2011, giá thuê là 11 USD/m², tổng diện tích thuê là 36 m², 3 tháng thanh toán một lần.

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Tuấn Vũ

Nguyễn Quốc Khánh